

# Chứng minh lý lịch với Centrelink



We speak your language 📞 13 1202

*Proving your identity to Centrelink - Vietnamese*

Khi xin tiền cấp dưỡng, trợ cấp, phụ cấp hoặc dùng dịch vụ mà Centrelink đòi hỏi giấy tờ chứng minh lý lịch, khách hàng phải minh xác lý lịch bằng cách đưa các giấy tờ bản chính, liệt kê trong danh sách được Centrelink chấp thuận (xem trang 3 và 4).

**Nếu gặp phải trở ngại trong việc lấy hoặc đưa các giấy tờ này, quý vị nên liên lạc với Centrelink càng sớm càng tốt, thí dụ như vì quý vị là người tị nạn mới đến Úc.**

## Khi xin:

ABSTUDY (living allowance)	Newstart Allowance
Age Pension	Parenting Payment
Austudy Payment	Partner Allowance
Bereavement Allowance	Retirement Assistance for Farmers
Carer Payment	Sickness Allowance
Disability Support Pension	Special Benefit
Exceptional Circumstances Relief Payment	Widow Allowance
Farm Help	Wife Pension
Mature Age Allowance	Youth Allowance

### Quý vị cần phải đưa:

ít nhất một giấy Chứng Nhận Sinh tại Úc hoặc Chứng Nhận Đến Úc (liệt kê dưới đây);

**VÀ**

các giấy tờ khác trong danh sách chấp thuận (xem trang 3 và 4) mà cộng lại được 100 điểm.

## Khi xin:

Carer Allowance

Mobility Allowance

### Quý vị cần phải đưa:

ít nhất một giấy Chứng Nhận Sinh tại Úc hoặc Chứng Nhận Đến Úc (liệt kê dưới đây);

**VÀ**

các giấy tờ khác trong danh sách chấp thuận (xem trang 3 và 4) mà cộng lại được 50 điểm.

[www.centrelink.gov.au](http://www.centrelink.gov.au)



Australian Government



Giấy Chứng Nhận Nơi Sinh và Chứng Nhận Đến Úc - giải thích	
<b>Australian Birth Certificate</b>	Giấy Khai Sinh Úc bản chính hoặc trích lục khai sinh, ghi tên/tên cũ.
<b>Australian Passport (current)</b>	Giấy thông hành Úc còn hiệu lực, ghi tên/tên cũ.
<b>Citizenship Certificate</b>	Giấy chứng nhận nhập tịch Úc, ghi tên/tên cũ.
<b>Current Australian Visa</b>	Chiếu khán nhập cảnh Úc còn hiệu lực, diện cư dân hoặc du khách.
<b>Document of Identity (DIMA)</b>	Giấy chứng nhận danh tánh do Department of Immigration and Multicultural Affairs cấp cho người không là thường trú nhân Úc.
<b>Certificate of Evidence of Resident Status</b>	Giấy Chứng Nhận Tư Cách Cư Trú (Mẫu 283) ghi tên/tên cũ do Department of Immigration and Multicultural Affairs cấp.
<b>Certificate of Identity (DFAT)</b>	Giấy Chứng Nhận Lý Lịch ghi tên/tên cũ do Department of Foreign Affairs and Trade cấp cho Công Dân Úc dùng một lần khi xuất ngoại.

Quý vị phải đưa một trong các giấy tờ này nhưng sẽ không được tính vào SỐ ĐIỂM phải có để được khoản tiền muốn xin hoặc dịch vụ muốn dùng.

## Khi xin:

Low Income Health Care Card

Commonwealth Seniors Health Card

### Quý vị cần phải đưa:

bất cứ giấy tờ nào trong danh sách chấp thuận (xem trang 3 và 4) mà cộng lại được 50 điểm.

## Khi xin:

Parenting Payment partnered

Low Income Health Care Card partnered

**người phối ngẫu** cũng phải xác minh lý lịch bằng cách đưa các giấy tờ bản chính trong danh sách chấp thuận (xem trang 3 và 4).

## Khi xin:

Carer Allowance

Carer Payment

**người được chăm sóc** cũng phải xác minh lý lịch bằng cách đưa các giấy tờ bản chính trong danh sách chấp thuận (xem trang 3 và 4).

<b>Giấy Tờ</b>	<b>Giải Thích</b>	<b>Điểm</b>
<b>Citizenship Certificate</b>	Giấy chứng nhận quốc tịch Úc ghi tên/tên cũ.	<b>70</b>
<b>Australian Passport (current)</b>	Giấy thông hành Úc còn hiệu lực ghi tên/tên cũ.	<b>70</b>
<b>Australian Birth Certificate</b>	Bản chính giấy khai sinh Úc hoặc trích lục khai sinh ghi tên/tên cũ.	<b>70</b>
<b>Certificate of Evidence of Resident Status</b>	Giấy Chứng Nhận Tư Cách Cư Trú (Mẫu 283) ghi tên/tên cũ do Department of Immigration and Multicultural Affairs cấp.	<b>70</b>
<b>Certificate of Identity (DFAT)</b>	Giấy Chứng Nhận Danh Tách ghi tên/tên cũ do Department of Foreign Affairs and Trade cấp cho Công Dân Úc dùng một lần khi xuất ngoại.	<b>70</b>
<b>Document of Identity (DIMA)</b>	Giấy Chứng Nhận Danh Tách do Department of Immigration and Multicultural Affairs cấp cho người không là thường trú nhân Úc.	<b>70</b>
<b>Current Australian Visa</b>	Chiếu khán nhập cảnh Úc còn hiệu lực, diện cư dân hoặc du khách.	<b>70</b>
<b>Defence Discharge Papers</b>	Giấy Xuất Ngũ Úc ghi tên/tên cũ.	<b>70</b>
<b>Shooter's or Firearm Licence</b>	Giấy phép xạ thủ hoặc sở hữu súng có chữ ký và/hoặc ảnh và ghi cùng tên và địa chỉ đã khai.	<b>70</b>
<b>Security Licence</b>	Giấy hành nghề kiểm soát đám đông hoặc nghề bảo an, có chữ ký và/hoặc ảnh và ghi cùng tên và địa chỉ đã khai.	<b>70</b>
<b>Bank Card or Passbook</b>	Sổ Bãng/thẻ tín dụng/ATM có chữ ký quý vị và còn hiệu lực của tổ chức tài chính.	<b>40</b>
<b>Bank Statement</b>	Bản liệt kê chi thu mỗi cấp phát của thẻ tín dụng/ATM hoặc trường mục chi phiếu còn hiệu lực của tổ chức tài chính, ghi tên và địa chỉ quý vị. Không nhận biên lai ATM.	<b>40</b>
<b>Child's Birth Certificate</b>	Giấy khai sinh Úc ghi quý vị là cha mẹ/người giám hộ, KHÔNG phải anh chị em.	<b>40</b>
<b>Driver's Licence - Motor Vehicle</b>	Bằng lái xe, giấy phép học lái hoặc bằng lái tạm thời của tiểu bang hoặc lãnh thổ còn hiệu lực, có chữ ký và/hoặc ảnh và ghi cùng tên và địa chỉ đã khai.	<b>40</b>
<b>Australian Divorce Papers</b>	Giấy ly dị Úc ghi tên/tên cũ.	<b>40</b>
<b>Educational Certificate</b>	Văn bằng ghi tên/tên cũ (trường học/TAFE/đại học).	<b>40</b>
<b>Australian Marriage Certificate</b>	Giấy hôn thú Úc do cơ quan chính phủ tiểu bang hoặc lãnh thổ cấp và xác nhận. Không nhận giấy hôn thú do nhà thờ cấp.	<b>40</b>
<b>Mortgage Paper</b>	Văn kiện vay tiền hợp pháp của thường trú nhân Úc ghi tên/tên cũ.	<b>40</b>
<b>Name Change</b>	Giấy chứng nhận hoặc văn thư đôn phưởng đổi tên.	<b>40</b>
<b>Overseas Passport</b>	Giấy thông hành ngoại quốc có dấu nhập cảnh hoặc chiếu khán còn hiệu lực.	<b>40</b>
<b>Registration Certificate from a Professional Board</b>	Giấy đăng bạ của hội đồng quốc gia đăng bạ nghề chuyên môn hoặc tiểu bang/lãnh thổ thí dụ bác sĩ, y tá, nha sĩ, chuyên viên vật lý trị liệu, kế toán viên.	<b>40</b>
<b>Trade Certificate</b>	Giấy chứng nhận nghề nghiệp Úc còn hiệu lực ghi tên/tên cũ.	<b>40</b>
<b>Veterans' Affairs Gold Card</b>	Thẻ Vàng (Gold Card) ghi tên quý vị do Department of Veterans' Affairs cấp.	<b>40</b>

Giấy Tờ	Giải Thích	Điểm
<b>Reference from ATSI Organisation</b>	Giấy giới thiệu của tổ chức Thổ Dân/Dân Hải Đảo Torres Strait ghi đầy đủ chi tiết của người giới thiệu và khoảng thời gian họ quen biết quý vị. Sẽ kiểm lại với tổ chức đó.	<b>20</b>
<b>Educational Report or Reference</b>	Học bạ hoặc giấy giới thiệu của trường ghi tên/tên cũ. Sẽ kiểm lại với tổ chức đó (trường học/TAFE/đại học).	<b>20</b>
<b>Student ID Card</b>	Thẻ học sinh còn hiệu lực có tên và có chữ ký và/hoặc ảnh (trường học/TAFE/đại học).	<b>20</b>
<b>PAYG Payment Summary (Group Certificate)</b>	Giấy chứng nhận hoặc bản tóm lược khoản tiền PAYG mỗi cấp phát từ 2 năm trở lại, có số hồ sơ thuế. Sẽ kiểm lại với hãng sở.	<b>20</b>
<b>Insurance Renewal</b>	Giấy mới gia hạn bảo hiểm nhà cửa, đồ đạc, xe hơi, thuyền bè, bảo hiểm thu hoạch vụ mùa, có tên và địa chỉ hiện tại.	<b>20</b>
<b>Tenancy Agreement or Lease</b>	Khế ước hoặc hợp đồng thuê chỗ ở chính thức còn mới, ghi tên và địa chỉ.	<b>20</b>
<b>Medicare Card</b>	Thẻ Medicare ghi tên quý vị.	<b>20</b>
<b>Motor Vehicle Registration</b>	Giấy đăng bạ xe hơi còn hiệu lực, ghi tên quý vị và có cùng địa chỉ khai trong đơn xin và biên nhận đóng tiền.	<b>20</b>
<b>Other Overseas Documents</b>	Bất cứ giấy tờ ngoại quốc hoặc thông hành nước ngoài đã hết hạn có chiếu khán nhập cảnh.	<b>20</b>
<b>Other Licence</b>	Bất cứ bằng lái thuyền chèo, thuyền bè, xe hạng nặng, phi cơ v.v. của Liên Bang, Tiểu Bang hoặc Lãnh Thổ còn hiệu lực. Phải có ảnh và/hoặc chữ ký. Không nhận giấy phép lái thuyền bè tiêu khiển hoặc câu cá.	<b>20</b>
<b>Proof of Age Card</b>	Thẻ chứng nhận tuổi tác còn hiệu lực do cơ quan chính phủ cấp phát, ghi tên và có ảnh và/hoặc chữ ký.	<b>20</b>
<b>Rates Notice</b>	Giấy báo thuế địa phương còn mới, ghi tên và địa chỉ của quý vị và biên nhận đóng tiền.	<b>20</b>
<b>Utility Account</b>	Hóa đơn phường tiện sinh hoạt chưa quá lâu thí dụ như ga, nước, điện hoặc điện thoại, ghi tên và địa chỉ và biên nhận đóng tiền.	<b>20</b>
<b>Share Certificate</b>	Giấy chứng nhận cổ phần ghi tên của quý vị.	<b>10</b>
<b>Electoral Enrolment</b>	Giấy chứng nhận ghi danh bầu cử ghi tên và địa chỉ hiện tại.	<b>10</b>
<b>Other Financial Documents</b>	Các giấy tờ tài chánh khác chẳng hạn như giấy liệt kê hưu bổng, bảo hiểm nhân thọ, ký thác định kỳ, từ 12 tháng trở lại và có tên quý vị. Không nhận hợp đồng thuê mua hoặc thuê mướn.	<b>10</b>
<b>Health Insurance Card</b>	Thẻ bảo hiểm y tế còn hiệu lực có tên quý vị.	<b>10</b>
<b>Motoring Association Membership Card</b>	Thẻ hội viên hoặc giấy tờ còn hiệu lực, ghi tên quý vị do: NRMA, RACQ, RACV, RAA, RACT, RAC(WA), AANT cấp.	<b>10</b>
<b>Taxation Notice of Assessment</b>	Giấy báo thuế vụ còn mới, từ 2 năm trở lại ghi tên quý vị.	<b>10</b>
<b>Employment Records</b>	Giấy chứng nhận sa thải, nghỉ việc, bản báo cáo hoặc giấy giới thiệu của hãng sở ghi tên quý vị. Sẽ kiểm lại với hãng sở.	<b>10</b>

Muốn biết thêm chi tiết bằng tiếng Việt, xin gọi số **13 1202\***. Xin mời đến **www.centrelink.gov.au** trên Internet.

\* Dù ở nơi nào trong nước Úc, gọi điện thoại bắt đầu bằng số 13, chỉ phải trả 25 xu. Gọi điện thoại bắt đầu bằng số 1800 thì không phải trả tiền. Gọi từ điện thoại trả tiền công cộng hoặc điện thoại di động thì phải trả nhiều tiền hơn.